TOÀ ÁN NHÂN DÂN TP THÁI NGUYÊN
TỈNH THÁI NGUYÊN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 167/2019/QĐST -HNGĐ

TN, ngày 05 tháng 3 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 171/2019/TLST- HNGĐ ngày 12 tháng 3 năm 2019 giữa:

Nguyên đơn: Anh Trần Cao T, sinh năm 1987

Bị đơn: Chị Phạm Thị Hồng V, sinh năm 1991

Cùng địa chỉ: Tổ 20, phường PĐP, TP TN, TN.

Căn cứ vào Điều 143, 144, 146, 147, 212, 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ điều 51,55, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 357, khoản 2 Điều 468 BLDS; Điều 483 BLTTDS

Căn cứ Luật Phí và lệ phí năm 2015, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 28 tháng 3 năm 2019.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 28 tháng 3 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Anh Trần Cao T và chị Phạm Thị Hồng V.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1.Về quan hệ vợ chồng:

Anh Trần Cao T và chị Phạm Thị Hồng V đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, nhất trí thuận tình ly hôn để giải phóng cho nhau.

2. Về con chung: Anh Trần Cao T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung Trần Tố U sinh ngày 18/01/2016 đến khi con trưởng thành hoặc có sự thay đổi khác.

Chị V có quyền đi lại thăm nom con chung.

Chị Phạm Thị Hồng V tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung 2.000.000đ/tháng. Thời hạn cấp dưỡng từ tháng 4/2019 đến khi con trưởng thành hoặc có sự thay đổi khác.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật, anh T có đơn yêu cầu thi hành án, nếu chị V không tự nguyện thi hành số tiền trên thì hàng tháng chị V còn phải chịu khoản tiền lãi chậm trả theo quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 BLDS năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Anh T, chị V không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4 Về án phí: anh T tự nguyện nộp 150.000đ (Một trăm năm ngàn đồng) tiền án phí LHST và 150.000đ (Một trăm năm mươi ngàn) đồng tiền án phí DSST vào ngân sách nhà nước được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0007395 ngày 12/3/2019 của Chi cục thi hành án thành phố TN.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo trình tự phúc thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án và người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án và người phải thi hành án hoặc bị cưỡng chế thị hành án theo quy định tại Điều 6,7,9 của Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thì hành án dân sự.

Nơi nhận:
-TAT TN;
- VKS ND TPTN;
- Chi cục THADS TPTN;
- UBND P. Hoàng Văn Thụ;
- Các Đương sự;
- Lưu HS.

THẨM PHÁN

đã ký

Đoàn Thị Minh Huệ